



Tài chính

BẢN TIN TÀI CHÍNH - KINH DOANH

Tháng 7/2020

✓ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH MỚI:

- Tài chính nhà nước, thuế, hải quan
- Kế toán, kiểm toán
- Tài chính doanh nghiệp
- Tín dụng - ngân hàng - chứng khoán
- Bảo hiểm xã hội, tiền công, tiền lương

✓ THÔNG TIN DOANH NGHIỆP CẦN QUAN TÂM

✓ THÔNG TIN HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

3

CHÍNH SÁCH MỚI

Trích yếu nội dung chủ yếu của các chế độ, chính sách mới ban hành trong lĩnh vực tài chính

14

THÔNG TIN CẦN QUAN TÂM

Nâng cao hiệu quả tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp

Về hệ thống chỉ tiêu tài chính phục vụ quản trị tài chính doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay

12

HƯỚNG DẪN CHÍNH SÁCH

Cho phép bù trừ thuế thu nhập doanh nghiệp trong 5 năm nếu nộp thừa

23

THÔNG TIN VỀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Thực thi các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới

CHÍNH SÁCH MỚI

TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC

1. Quyết định số 908/QĐ-TTg ngày 29/6/2020 về phê duyệt Danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn đến hết năm 2020 do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Quyết định về phê duyệt Danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn đến hết năm 2020.

2. Chỉ thị số 06/CT-VKSTC ngày 26/6/2020 tăng cường kiểm sát thi hành án dân sự về thu hồi tài sản bị thất thoát chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế do Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao ban hành. Chỉ thị này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Chỉ thị về tăng cường kiểm sát thi hành án dân sự về thu hồi tài sản bị thất thoát chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế

3. Thông tư số 13/2020/TT-BYT ngày 22/6/2020 sửa đổi Thông tư số 35/2016/TT-BYT về Danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với dịch vụ kỹ thuật y tế thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

Thông tư sửa đổi Thông tư số 35/2016/TT-BYT về Danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với dịch vụ kỹ thuật y tế thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế.

Thông tư có hiệu lực thi hành từ 10/08/2020.

4. Thông tư số 59/2020/TT-BTC ngày 18/6/2020 về hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động trợ

giúp pháp lý do Bộ Tài chính ban hành.

Thông tư hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động trợ giúp pháp lý.

Thông tư có hiệu lực thi hành từ 01/9/2020.

5. Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 12/6/2020 về thông qua đề nghị xây dựng Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công do Chính phủ ban hành. Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Nghị quyết thông qua đề nghị xây dựng Nghị định quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công

6. Thông tư số 55/2020/TT-BTC ngày 12/6/2020 hướng dẫn về quản lý kinh phí đào tạo lưu học sinh nước ngoài diện Hiệp định học tập tại Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Thông tư hướng dẫn về quản lý kinh phí đào tạo lưu học sinh nước ngoài diện Hiệp định học tập tại Việt Nam.

Thông tư có hiệu lực thi hành từ 30/7/2020.

7. Hướng dẫn số 23/HD-VKSTC ngày 12/6/2020 về xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 do Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành. Hướng dẫn có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Hướng dẫn về xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2021.

8. Thông tư số 53/2020/TT-BTC ngày 10/6/2020 về hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện việc giám sát, giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự



do Bộ Tài chính ban hành.

Thông tư hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện việc giám sát, giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự

Thông tư có hiệu lực thi hành từ 01/8/2020.

9. Quyết định số 60/QĐ-VKSTC ngày 09/6/2020 công bố công khai dự toán ngân sách năm 2020 của Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Hà Nội do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành. Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Quyết định công bố công khai dự toán ngân sách năm 2020 của Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Hà Nội.

10. Thông tư số 03/2020/TT-BVHTTDL ngày 09/6/2020 quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng lựa chọn dự án sản xuất phim có sử dụng ngân sách nhà nước do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành.

Thông tư quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng lựa chọn dự án sản xuất phim có sử dụng ngân sách nhà nước.

Thông tư có hiệu lực thi hành từ 06/8/2020.

11. Quyết định số 784/QĐ-TTg ngày 08/6/2020 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn nước ngoài nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020 do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Quyết định về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn nước ngoài nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020.

12. Kết luận số 77-KL/TW ngày 05/6/2020 về chủ trương khắc phục tác động của đại dịch Covid-19 để phục hồi và phát triển nền kinh tế đất nước do Ban Chấp hành Trung ương ban hành.

Kết luận về chủ trương khắc phục tác động của đại dịch Covid-19 để phục hồi và phát triển nền kinh tế đất nước.

13. Quyết định số 2316/QĐ-BYT ngày 04/6/2020 về phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại cơ quan đơn vị sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế. Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Quyết định về phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại cơ quan đơn vị sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

14. Quyết định số 815/QĐ-BTC ngày 03/6/2020 về đính chính Thông tư 27/2020/TT-BTC hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành. Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Quyết định về đính chính Thông tư 27/2020/TT-BTC hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật

15. Thông tư số 51/2020/TT-BTC 02/6/2020 quy định về quy trình xuất cấp, giao nhận, phân phối, sử dụng hàng dự trữ quốc gia xuất để cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ và quản lý kinh phí đảm bảo cho công tác xuất cấp, giao nhận để cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ do Bộ Tài chính ban hành.

Thông tư quy định về quy trình xuất cấp, giao nhận, phân phối, sử dụng hàng dự trữ quốc gia xuất để cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ và quản lý kinh phí



đảm bảo cho công tác xuất cấp, giao nhận để cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ.
Thông tư có hiệu lực thi hành từ 20/7/2020.

16. Quyết định số 17/2020/QĐ-TTg ngày 29/5/2020 về áp dụng cơ chế quản lý tài chính, thu nhập đặc thù đối với Cục Bảo vệ thực vật, Cục Thú y và Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Quyết định về áp dụng cơ chế quản lý tài chính, thu nhập đặc thù đối với Cục Bảo vệ thực vật, Cục Thú y và Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thông tư có hiệu lực thi hành từ 15/7/2020.

17. Thông tư số 12/2020/TT-BTTTT ngày 29/5/2020 về hướng dẫn xác định chi phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo phương pháp tính chi phí do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

Thông tư hướng dẫn xác định chi phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo phương pháp tính chi phí.

18. Thông tư số 48/2020/TT-BTC ngày 29/5/2020 sửa đổi 1: 2020 QCVN 08: 2018/BTC quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với xuồng (tàu) cao tốc dự trữ quốc gia do Bộ Tài chính ban hành.

Thông tư sửa đổi 1: 2020 QCVN 08: 2018/BTC quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với xuồng (tàu) cao tốc dự trữ quốc gia.

Thông tư có hiệu lực thi hành từ 15/7/2020.

| THUẾ, PHÍ

1. Nghị định số 70/2020/NĐ-CP ngày 28/6/2020 của Chính phủ về mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước đến hết ngày 31/12/2020.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2020.

2. Nghị định số 68/2020/NĐ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ sửa đổi Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

Nghị định sửa đổi quy định về tổng chi phí lãi vay được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

Nghị định số 68/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ 24/6/2020 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp 2019.

3. Thông tư số 61/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020 quy định về mức thu, nộp phí kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy; phí thẩm định phê duyệt thiết kế phòng cháy, chữa cháy và lệ phí cấp Căn cước công dân do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

Giảm 50% lệ phí cấp Căn cước công dân đến hết 2020 là nội dung đáng chú ý của Thông tư 61/2020.

Thông tư số 61/2020/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 22/6/2020 đến hết ngày 31/12/2020.

4. Quyết định số 19/2020/QĐ-TTg về thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ theo hình thức điện tử không dừng do Thủ tướng Chính phủ ban hành



Quyết định số 19/2020/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2020 và thay thế Quyết định 07/2017/QĐ-TTg ngày 27/3/2017.

- 5. Thông tư số 54/2020/TT-BTC quy định về mức thu, nộp phí xác minh giấy tờ, tài liệu theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân trong nước, lệ phí cấp Giấy phép hoạt động đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài do Bộ Tài chính ban hành ngày 12/6/2020.**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12/6/2020 đến hết ngày 31/12/2020.

- 6. Thông tư số 56/2020/TT-BTC quy định về mức thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12/6/2020 đến hết ngày 31/12/2020.

- 7. Thông tư số 58/2020/TT-BTC ngày 12/06/2020 quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí xử lý vụ việc cạnh tranh do Bộ Tài chính ban hành.**

Thông tư 58/2020/TT-BTC có hiệu lực từ 27/7/2020 và thay thế Thông tư 251/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.

- 8. Thông tư số 57/2020/TT-BTC ngày 12/6/2020 quy định về mức thu, nộp lệ phí cấp hộ chiếu, giấy thông hành, giấy phép xuất cảnh, tem AB, lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo, lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ do Bộ Tài chính ban hành.**

Giảm 20% mức thu lệ phí cấp mới hộ chiếu đến hết năm 2020 là 1 trong

những nội dung chính của Thông tư số 57/2020/TT-BTC.

- 9. Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 ngày 2/6/2020 về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế thu nhập cá nhân do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành.**

Nâng mức giảm trừ gia cảnh bản thân NNT lên 11 triệu đồng/tháng là nội dung quan trọng của Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14. Nghị quyết 954/2020/UBTVQH14 có hiệu lực từ ngày 01/7/2020 và áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2020.

- 10. Thông tư số 50/2020/TT-BTC ngày 1/6/2020 quy định về mức thu, nộp phí thẩm định điều kiện kinh doanh trong hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động do Bộ Tài chính ban hành.**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/6/2020 đến hết ngày 31/12/2020.

- 11. Thông tư số 49/2020/TT-BTC ngày 1/6/2020 quy định về mức thu, nộp phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/6/2020 đến hết ngày 31/12/2020.

- 12. Quyết định số 792/QĐ-BTC ngày 29/5/2020 công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Quản lý thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.**



Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

THUẾ VỚI HÀNG HÓA XUẤT, NHẬP KHẨU

1. Nghị quyết số 101/NQ-CP ngày 26/6/2020 về phê duyệt Nghị định thư thứ nhất sửa đổi Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản (AJCEP) do Chính phủ ban hành.

Nội dung Nghị quyết phê duyệt Nghị định thư thứ nhất sửa đổi Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản (AJCEP) ký ngày 14 tháng 4 năm 2008.

Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Quyết định số 1575/QĐ-BCT ngày 16/6/2020 về đính chính Thông tư 05/2020/TT-BCT sửa đổi Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BCT-BTNMT quy định việc quản lý nhập khẩu, xuất khẩu và tạm nhập - tái xuất các chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo quy định của Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành.

Đính chính lỗi kỹ thuật trình bày văn bản tại Thông tư số 05/2020/TT-BCT ngày 16 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BCT-BTNMT ngày 30/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

3. Quyết định số 1589/QĐ-TCHQ ngày 16/6/2020 về Kế hoạch triển khai giải pháp nâng cao xếp hạng chỉ số Giao dịch thương mại qua biên giới của Việt Nam giai đoạn 2020-2021 do Tổng cục Hải quan ban hành.

Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch của Tổng cục Hải quan triển khai các giải pháp nâng cao xếp hạng chỉ số Giao dịch thương mại qua biên giới của Việt Nam giai đoạn 2020-2021.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

4. Nghị định số 67/2020/NĐ-CP ngày 15/6/2020 sửa đổi Nghị định 68/2016/NĐ-CP quy định về điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế, kho bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế, kho bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan.

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/8/2020.

5. Thông tư số 11/2020/TT-BCT ngày 15/6/2020 quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu do Bộ Công Thương ban hành.

Thông tư này quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA).

Thông tư có hiệu lực kể từ ngày 01/8/2020.

6. Nghị quyết số 92/NQ-CP ngày 11/6/2020 về ký Hiệp định giữa Việt Nam và Xri Lan-ca về hợp tác và trợ giúp lẫn nhau trong lĩnh vực hải quan do Chính phủ ban hành.

Thông qua nội dung "Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa dân chủ Xri Lan-ca về hợp tác và trợ giúp lẫn nhau trong lĩnh vực hải quan".

Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.



7. Thông tư số 52/2020/TT-BTC ngày 10/6/2020 về hướng dẫn biện pháp thực hiện Thống kê nhà nước về hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

Thông tư này hướng dẫn một số biện pháp thực hiện thống kê nhà nước về hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; sử dụng thông tin thống kê về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Việt Nam.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2020.

8. Nghị định số 64/2020/NĐ-CP ngày 10/6/2020 hướng dẫn việc thực hiện cơ chế tạm quản theo Công ước Istanbul.

Nghị định này hướng dẫn thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan, thủ tục cấp và hoàn trả sổ tạm quản, bảo đảm thuế nhập khẩu, các khoản thuế khác, tiền chậm nộp, tiền phạt và phí, lệ phí (nếu có) đối với hàng hóa tạm quản theo Công ước Istanbul về tạm quản hàng hóa (sau đây gọi là Công ước Istanbul).

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/7/2020.

9. Quyết định số 2405/QĐ-BYT 10/6/2020 về giao nhiệm vụ kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Y tế.

Giao Viện Dinh dưỡng, địa chỉ: số 48B Tăng Bạt Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội thực hiện kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Y tế.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

10. Quyết định số 17/2020/QĐ-UBND ngày 04/6/2020 bãi bỏ 02 Quyết định của Ủy ban nhân dân về lĩnh vực Công Thương do tỉnh Hà Giang ban hành.

Bãi bỏ 02 Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về lĩnh vực Công Thương.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 15/6/2020.

11. Quyết định số 814/QĐ-BTC ngày 03/6/2020 công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hải quan thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

Công bố kèm theo Quyết định này 05 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/6/2020.

| KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN

1. Quyết định số 01/2020/QĐ-KTNN ngày 26/6/2020 về Hệ thống mẫu biểu hồ sơ kiểm toán do Kiểm toán nhà nước ban hành.

Quyết định này Ban hành kèm theo Quyết định này Hệ thống mẫu biểu hồ sơ kiểm toán của Kiểm toán nhà nước.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 06/2016/QĐ-KTNN ngày 02/11/2016 của Tổng Kiểm toán nhà nước, các quy định có liên quan đến Hệ thống mẫu biểu hồ sơ kiểm toán.

2. Thông tư số 40/2020/TT-BTC ngày 15/5/2020 về hướng dẫn chế độ báo cáo trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập tại Nghị định số 174/2016/NĐ-CP hướng dẫn Luật kế toán và Nghị định số 17/2012/NĐ-CP hướng dẫn Luật kiểm toán độc lập do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

Thông tư số 40/2020/TT-BTC hướng dẫn chế độ báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ kế toán, kiểm toán độc lập qua biên giới phát sinh trong kỳ tại Việt Nam và tình hình thực hiện liên danh với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài, doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài trong việc cung cấp dịch vụ kế toán, kiểm toán độc lập qua



biên giới theo quy định tại Điều 32, Điều 33 Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật kế toán và Điều 13, Điều 14 Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập. Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2020.

TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

- 1. Nghị định số 68/2020/NĐ-CP ngày 24/6/2020 về sửa đổi Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/2/2017 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết do Chính phủ ban hành.**

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

- 2. Thông báo số 207/TB-VPCP ngày 18/6/2020 về kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại Hội nghị với lãnh đạo các tỉnh, thành phố Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam do Văn phòng Chính phủ ban hành.**

- 3. Quyết định số 816/QĐ-BXD ngày 18/6/2020 về Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết 84/NQ-CP và Chỉ thị số 11/CT-TTg do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành.**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

- 4. Nghị quyết số 91/NQ-CP ngày 11/6/2020 về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5 năm 2020 do Chính phủ ban hành.**

Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài chính tăng cường kỷ luật tài chính - ngân sách nhà nước, thực hiện triệt để tiết kiệm chi thường xuyên. Chỉ đạo thực hiện các biện pháp đấu tranh phòng, chống phiền hà, sách nhiễu, tiêu cực trong cơ quan thuế và hải quan; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm...

- 5. Kết luận số 77-KL/TW ngày 5/6/2020 về chủ trương khắc phục tác động của đại dịch Covid-19 để phục hồi và phát triển nền kinh tế đất nước do Ban Chấp hành Trung ương ban hành.**

Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương nghiêm túc quán triệt, triển khai thực hiện các định hướng, nhiệm vụ, giải pháp theo Kết luận của Bộ Chính trị...

- 6. Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 về nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch COVID-19 do Chính phủ ban hành.**

Quyết định này Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh năm 2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

TÍN DỤNG - NGÂN HÀNG - CHỨNG KHOÁN

- 1. Thông tư số 49/2020/TT-BTC quy định về mức thu, nộp phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 1/6/2020.**

Thông tư quy định mức thu, nộp phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm, áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân khi yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng động sản (trừ tàu bay), tàu biển. Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2020.

- 2. Quyết định số 1018/QĐ-NHNN về Kế hoạch cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh năm 2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ban hành ngày 28/5/2020.**



Ban hành kèm theo Quyết định là Kế hoạch cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh năm 2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Quyết định có hiệu lực thi hành từ 16/6/2020.

3. Quyết định số 828/QĐ-BKHĐT năm 2020 công bố thủ tục hành chính mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/hủy bỏ lĩnh vực vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành ngày 27/05/2020.

Quyết định quy định các mức lãi suất của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam như sau: 1. Lãi suất tái cấp vốn: 4,5%/năm; Lãi suất tái chiết khấu: 3,0%/năm; Lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các ngân hàng: 5,5%/năm.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nam thực hiện chế độ thai sản đối với lao động là công dân nước ngoài tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tại Việt Nam được quy định tại Điều 7 Nghị định số 143/2018/NĐ-CP ngày 15/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Bảo hiểm xã hội và Luật An toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

3. Kế hoạch số 1829/KH-BHXH ngày 10/6/2020 của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025.

Kế hoạch số 1829/KH-BHXH nêu rõ các nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP gồm: Xây dựng Kế hoạch và chuẩn bị thực hiện; Triển khai thống kê, cập nhật đầy đủ dữ liệu và tính chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam; Triển khai rà soát, đánh giá, tính chi phí tuân thủ sau đơn giản hóa, đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; Thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

4. Kế hoạch số 1823/KH-BHXH ngày 9/6/2020 của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam về đẩy mạnh thực hiện chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp không dùng tiền mặt qua hệ thống ngân hàng từ năm 2020 đến năm 2025.

Kế hoạch nêu rõ, việc xây dựng nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu đẩy mạnh thực hiện chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp không dùng tiền mặt qua hệ thống ngân hàng (bao gồm cả các tổ chức đại lý của ngân hàng) theo nhiệm vụ được phân công tại Chương trình hành động thực hiện chiến lược tài chính toàn diện quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 149/QĐ-TTg và Chỉ thị số 22/CT-TTg phù hợp với lộ trình phát triển mô hình đại lý ngân hàng, kênh phân phối hiện đại, đặc biệt là ở các vùng chưa hoặc ít có dịch vụ ngân hàng, vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

| BẢO HIỂM XÃ HỘI, TIỀN CÔNG, TIỀN LƯƠNG

1. Thông tư số 13/2020/TT-BYT ngày 22/6/2020 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2016/TT-BYT ngày 28/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với dịch vụ kỹ thuật y tế thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế.

Theo đó, Thông tư số 13/2020/TT-BYT sửa đổi Mục 4 của Danh mục 1 - Dịch vụ kỹ thuật có quy định cụ thể điều kiện, tỷ lệ và mức giá thanh toán.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/8/2020.

2. Công văn số 2161/LĐTBXH-BHXH ngày 16/6/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thực hiện chế độ thai sản đối với người lao động nước ngoài gửi Bảo hiểm Xã hội Việt Nam.

Theo đó, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Bảo hiểm Xã hội Việt



5. Quyết định số 824/QĐ-BHXH ngày 9/6/2020 của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam Ban hành quy chế hoạt động của ban chỉ đạo phòng, chống khủng bố Bảo hiểm Xã hội Việt Nam.

Quyết định này ban hành kèm theo Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Phòng, chống khủng bố Bảo hiểm Xã hội Việt Nam. Quyết định số 824/QĐ-BHXH có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

6. Quyết định số 802/QĐ-BHXH ngày 2/6/2020 của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam ban hành Chương trình Bồi dưỡng nghiệp vụ giám định bảo hiểm y tế.

Quyết định này ban hành kèm theo Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ giám định bảo hiểm y tế. Quyết định số 802/QĐ-BHXH có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

7. Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/7/2020.



HƯỚNG DẪN CHÍNH SÁCH

Nâng mức chi phí lãi vay từ 20% lên 30%, cho phép bù trừ thuế thu nhập doanh nghiệp trong 5 năm nếu nộp thừa

Chính phủ vừa ban hành Nghị định số 68/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Khoản 3, Điều 8, Nghị định số 20/2017/NĐ-CP quy định quản lý thuế đối với doanh nghiệp (DN) có giao dịch liên kết. Nghị định có hiệu lực thi hành từ 24/6/2020 và được áp dụng ngay trong kỳ tính thuế năm 2019.

Nghị định số 68/2020/NĐ-CP cho phép nâng ngưỡng khống chế chi phí lãi vay từ 20% lên 30%. Ngoài ra, người nộp thuế được khai bổ sung hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) để xác định lại chi phí lãi vay, số thuế TNDN phải nộp năm 2017 và năm 2018.

Nâng mức chi phí lãi vay từ 20% lên 30%

Nghị định số 68 đã sửa đổi Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP theo hướng, quy định tổng chi phí lãi vay được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với DN có giao dịch liên kết không vượt quá 30% tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ, cộng với lãi vay phát sinh trong kỳ, cộng chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ.

Cũng theo Nghị định số 68/2020/NĐ-CP, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế



tiếp theo thấp hơn 30%. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Việc khống chế chi phí lãi vay không vượt quá 30% không áp dụng đối với khoản vay của người nộp thuế là tổ chức tín dụng theo Luật Các tổ chức tín dụng; tổ chức kinh doanh bảo hiểm theo Luật Kinh doanh bảo hiểm; các khoản vay vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vay ưu đãi của Chính



phủ thực hiện theo phương thức Chính phủ đi vay nước ngoài cho các DN vay lại; các khoản vay chương trình mục tiêu quốc gia; các khoản vay đầu tư chương trình, dự án thực hiện chính sách phúc lợi xã hội của Nhà nước.

Cho phép bù trừ thuế TNDN trong 5 năm nếu nộp thừa

Theo Nghị định số 68/2020/NĐ-CP, người nộp thuế được khai bổ sung hồ sơ khai quyết toán thuế TNDN năm 2017 và năm 2018 để xác định chi phí lãi vay, số thuế TNDN phải nộp tương ứng và nộp cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp trước ngày 1/1/2021. Cơ quan quản lý thuế trực tiếp có trách nhiệm thực hiện công tác quản lý thuế, kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trường hợp sau khi khai bổ sung, số thuế TNDN giảm thì người nộp thuế sẽ được giảm số tiền chậm nộp tương ứng.

Trường hợp người nộp thuế có số tiền thuế TNDN, tiền chậm nộp đã nộp ngân sách nhà nước lớn hơn số tiền thuế TNDN, tiền chậm nộp đã xác định lại thì phần chênh lệch được bù trừ vào số thuế TNDN trong năm 2020. Trường hợp số thuế TNDN năm 2020 không đủ bù trừ hết, thì phần còn lại

được bù trừ vào thuế TNDN phải nộp trong các năm tiếp theo, nhưng tối đa không quá 5 năm kể từ năm 2020. Kết thúc thời hạn trên, không xử lý số thuế còn lại chưa bù trừ hết.

Trường hợp cơ quan thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã thực hiện thanh tra, kiểm tra và đã có kết luận thanh tra, kiểm tra, quyết định xử lý theo quy định của Luật Quản lý thuế, người nộp thuế đề nghị cơ quan thuế quản lý trực tiếp xác định lại số thuế phải nộp. Căn cứ vào đề nghị của người nộp thuế và các hồ sơ, tài liệu có liên quan, cơ quan thuế xác định lại số thuế phải nộp, tiền chậm nộp tương ứng để thực hiện bù trừ phần chênh lệch theo quy định.

Nghị định số 68/2020/NĐ-CP cũng quy định, việc xác định lại số thuế phải nộp được thực hiện tại trụ sở cơ quan quản lý thuế, không thực hiện thanh tra, kiểm tra lại tại trụ sở người nộp thuế; không điều chỉnh lại kết luận và quyết định thanh tra, kiểm tra năm 2017 và 2018. Trường hợp đã xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hoặc đang giải quyết theo trình tự khiếu nại thì không điều chỉnh lại số tiền phạt vi phạm hành chính về thuế.

Theo Nhật Minh (TBTCVN)



THÔNG TIN CẦN QUAN TÂM

Nâng cao hiệu quả tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp

Kế toán có vai trò quan trọng trong hệ thống công cụ quản lý của doanh nghiệp. Trong khoa học quản lý, kế toán là khoa học thu nhận, xử lý và cung cấp toàn bộ thông tin về tài sản, sự vận động tài sản, các hoạt động kinh tế tài chính trong doanh nghiệp, nhằm kiểm tra, giám sát toàn bộ hoạt động kinh tế, tài chính của doanh nghiệp. Tuy nhiên, vai trò quan trọng của kế toán chỉ được phát huy khi doanh nghiệp tổ chức công tác kế toán khoa học và hiệu quả. Bài viết khái quát về các quy định liên quan đến tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp hiện nay, đồng thời kiến nghị một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác này trong thời gian tới.

Đặt vấn đề

Hiện nay, đại đa số các nhà quản trị doanh nghiệp (DN) còn hạn chế về trình độ quản lý, chưa coi trọng đúng mực về vấn đề tổ chức công tác kế toán trong DN. Những quyết định kinh doanh chủ yếu được đưa ra dựa trên cảm tính, ít khi có căn cứ cụ thể dựa trên tình hình tài chính của DN, tình hình thị trường, từ đó ảnh hưởng lớn đến sức cạnh tranh và vị thế của các DN trên thị trường trong bối cảnh toàn cầu hóa như hiện nay.

Bối cảnh này đòi hỏi nhà quản trị DN cần chú trọng đến tổ chức công tác kế toán trong DN. Để phát huy vai trò của công tác này, đòi hỏi mỗi DN phải có sự thích ứng, linh hoạt với điều kiện về quy mô, đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh gắn với những yêu cầu quản lý cụ thể tại đơn vị mình. Các nội dung về tổ chức công tác kế toán trong DN cần được hiểu rõ và vận dụng một cách phù hợp, qua đó góp phần quan trọng vào việc quản lý tại DN.



Tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp

Để thu nhận, xử lý thông tin kế toán, phải thông qua một hệ thống các phương pháp khoa học nhất định là phương pháp kế toán. Đồng thời, phải có yếu tố tổ chức bộ máy kế toán với những cán bộ làm công tác kế toán hiểu biết về chuyên môn và được phân công nhiệm vụ cụ thể rõ ràng trong thực hiện các công việc kế toán. Hay nói cách khác, phải có tổ chức bộ máy, tổ chức con người làm kế toán.

Trên góc nhìn nghiên cứu, tổ chức công tác kế toán trong DN là tổ chức việc thực hiện các chuẩn mực, chế độ kế toán để phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tổ chức thực hiện chế độ kiểm tra kế toán, chế độ bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán, cung cấp thông tin tài liệu kế toán và các nhiệm vụ khác của kế toán cho các đối tượng cần sử dụng. Trên quan điểm của DN, tổ chức công tác kế toán là tổ chức việc thu nhận, hệ thống hóa và cung cấp thông tin về hoạt động của DN trên cơ sở vận dụng các phương pháp kế toán và tổ chức bộ máy kế toán tại DN, nhằm quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Tổ chức công tác kế toán là việc xây dựng các quy trình hạch toán, phân công, quy định mối liên hệ giải quyết công việc giữa các nhân viên kế toán cũng như với các bộ phận khác trong DN.

Như vậy, tổ chức công tác kế toán tại DN vừa giải quyết được việc thực hiện các phương pháp kế toán, các nguyên tắc kế toán và các phương pháp, phương tiện tính toán, nhằm đạt được mục đích của công tác kế toán; vừa phải đảm bảo tổ chức bộ máy kế toán hợp lý.

Ý nghĩa và nguyên tắc của tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp

Về ý nghĩa

Kế toán là việc thu thập, xử lý và kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin giúp nhà quản lý có thể nắm bắt mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của

đơn vị. Do vậy, tổ chức công tác kế toán trong đơn vị hợp lý, khoa học có ý nghĩa quan trọng đối với công tác quản lý và điều hành hoạt động của đơn vị. Việc tổ chức công tác kế toán có ý nghĩa quan trọng đối với DN, thể hiện trên các khía cạnh sau:

- Là công cụ thiết yếu để phân tích, đánh giá, tham mưu cho nhà quản trị đưa ra các quyết định quản lý phù hợp.
- Cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ các thông tin kinh tế, tài chính của đơn vị cho lãnh đạo đơn vị và các đối tượng quan tâm để có các quyết định đúng đắn, kịp thời.
- Đảm bảo ghi chép, theo dõi, phản ánh và giám sát chặt chẽ các loại tài sản, nguồn vốn kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, nguồn vốn trong đơn vị. Ghi chép và phản ánh một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ và có hệ thống tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn, tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại DN.

Về nguyên tắc

Để phù hợp với các yêu cầu, các quy định có liên quan và tổ chức công tác kế toán phát huy vai trò của mình thì tổ chức công tác kế toán tại DN phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc, các chính sách, chế độ, thể lệ và các quy định của pháp luật hiện hành. Hiện nay, chế độ kế toán DN cần thực hiện theo Luật Kế toán sửa đổi 2015, Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán; và 3 thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán DN; Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 về chế độ kế toán DN nhỏ và vừa; Thông tư số 132/2018/TT-BTC ngày 28/12/2018 hướng dẫn chế độ kế toán đối với DN siêu nhỏ). Các DN cần nắm rõ các quy định để áp dụng đúng với loại hình DN của mình.
- Đảm bảo nguyên tắc thống nhất giữa các bộ phận kế toán trong đơn vị,



giữa đơn vị chính với các đơn vị thành viên và các đơn vị nội bộ, giữa tổ chức công tác kế toán ở công ty mẹ và các công ty. Nguyên tắc thống nhất thể hiện ở các phương diện như: Thống nhất trong thiết kế, xây dựng các chỉ tiêu trên chứng từ, sổ kế toán và báo cáo kế toán với các chỉ tiêu quản lý; Thống nhất trong nội dung, kết cấu và phương pháp ghi chép trên các tài khoản kế toán; Thống nhất giữa các yếu tố chứng từ, tài khoản, sổ kế toán và báo cáo kế toán với nhau...

- Đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả. Theo đó, trên phương diện quản lý, phải đảm bảo hiệu quả trong quản lý các đối tượng hạch toán kế toán trên cơ sở các thông tin do kế toán cung cấp. Trên phương diện kế toán, phải đảm bảo tính đơn giản, dễ làm, dễ đối chiếu, kiểm tra, chất lượng thông tin do kế toán cung cấp phải đảm bảo tính tin cậy, khách quan, đầy đủ, kịp thời, có thể so sánh được và đảm bảo tính khoa học, tiết kiệm, tiện lợi cho thực hiện khối lượng công tác kế toán trên hệ thống sổ kế toán cũng như công tác kiểm tra kế toán...

Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp hiện nay

Hiện nay, Luật Kế toán số 88/2015/QH13 của Quốc hội, nghị định của Chính phủ và các thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính đã quy định cụ thể các nội dung cơ bản liên quan đến tổ chức công tác kế toán tại DN như sau:

- Tổ chức bộ máy kế toán: Tổ chức bộ máy kế toán là sự sắp xếp, phân công công việc cho từng kế toán viên và tổ chức luân chuyển chứng từ trong phòng kế toán của DN. Một bộ máy kế toán được tổ chức tốt sẽ giúp cho các thủ tục hành chính của DN hoạt động hiệu quả (đúng thủ tục hành chính, tiết kiệm chi phí thuế DN...). Việc lựa chọn hình thức tổ chức bộ máy kế toán khoa học, hợp lý sẽ làm giảm bớt khối lượng công việc kế toán, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Điều này giúp cho việc tổ chức công tác kế toán thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của kế toán, qua đó phát huy được vai trò của kế toán trong quản lý kinh tế, tài

chính của DN. Theo quy định hiện hành, DN phải bố trí người làm kế toán đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của Luật Kế toán, số lượng người làm kế toán tùy theo quy mô hoạt động, yêu cầu quản lý, chức năng nhiệm vụ hoặc biên chế của đơn vị.

- Tổ chức vận dụng chứng từ kế toán: Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán là ban hành, ghi chép chứng từ, kiểm tra, luân chuyển và lưu trữ tất cả các loại chứng từ kế toán sử dụng trong DN, nhằm đảm bảo tính chính xác của thông tin, kiểm tra thông tin đó phục vụ cho ghi sổ kế toán và tổng hợp kế toán. Theo quy định, khi có các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh liên quan đến hoạt động của mình, DN phải tổ chức lập chứng từ kế toán. Chứng từ kế toán chỉ được lập một lần cho mỗi nghiệp vụ kinh tế, tài chính. Chứng từ kế toán là tài liệu gốc có tính bằng chứng, tính pháp lý và là thông tin quan trọng trong công tác kế toán của DN. Chứng từ kế toán phải có các nội dung cơ bản theo quy định của Luật Kế toán.

- Tổ chức hệ thống sổ kế toán: Các hình thức ghi sổ kế toán hiện nay gồm: Nhật ký chung; Kế toán Nhật ký - Sổ cái; Kế toán chứng từ ghi sổ; Sổ kế toán Nhật ký-Chứng từ; Kế toán trên máy tính; Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán. Sổ kế toán dùng để ghi chép, hệ thống và lưu giữ toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính đã phát sinh có liên quan đến đơn vị kế toán. DN phải tuân thủ các quy định chung về mở sổ kế toán, ghi chép sổ kế toán; sửa chữa sai sót; khoá sổ kế toán; lưu trữ, bảo quản sổ kế toán; xử lý vi phạm. DN phải khoá sổ kế toán cuối kỳ kế toán trước khi lập báo cáo tài chính và các trường hợp khoá sổ kế toán khác theo quy định của pháp luật...

- Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán: Theo quy định của Luật Kế toán, tài khoản kế toán dùng để phân loại và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế, tài chính theo nội dung kinh tế. Hệ thống tài khoản kế toán gồm các tài khoản kế toán cần sử dụng. Mỗi đơn vị kế toán chỉ được sử dụng một hệ thống tài khoản kế toán cho mục đích kế toán tài chính theo quy định của Bộ Tài chính. Để thực hiện đúng quy định, DN cần nắm rõ các quy định tại



các thông tư quy định chế độ kế toán DN của Bộ Tài chính như: Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 133/2016/TT-BTC, Thông tư số 132/2018/TT-BTC.

- Lập và phân tích báo cáo kế toán: Nhà nước có quy định thống nhất về nội dung, phương pháp, thời gian lập và gửi đối với các báo cáo kế toán định kỳ, đó là các báo cáo tài chính (BCTC), cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm, sử dụng thông tin kế toán với những mục đích khác nhau để đưa ra các quyết định phù hợp. BCTC của DN gồm: Báo cáo tình hình tài chính; báo cáo kết quả hoạt động; báo cáo lưu chuyển tiền tệ; thuyết minh báo cáo khác theo quy định của pháp luật. Ngoài BCTC, hệ thống báo cáo kế toán của DN còn bao gồm các báo cáo kế toán quản trị, không mang tính chất bắt buộc, nhằm cung cấp thông tin phục vụ yêu cầu quản lý nội bộ ngành, nội bộ đơn vị. Do vậy, nội dung, hình thức trình bày, kỳ báo cáo được quy định tùy theo yêu cầu quản trị trong từng DN. - Tổ chức công tác kiểm tra kế toán: Việc kiểm tra kế toán nhằm đảm bảo việc thực hiện đúng đắn các phương pháp kế toán, các chế độ kế toán hiện hành; Tổ chức công tác chỉ đạo công tác kế toán tại DN đảm bảo thực hiện đúng vai trò của kế toán trong quản lý kinh tế, tài chính. Việc kiểm tra kế toán sẽ tăng cường tính đúng đắn, hợp lý, khách quan của thông tin kế toán được cung cấp.

- Ứng dụng công nghệ xử lý thông tin trong công tác kế toán: Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán của DN không chỉ giải quyết được vấn đề xử lý và cung cấp thông tin nhanh chóng, thuận lợi, mà nó còn làm tăng năng suất lao động của bộ máy kế toán, tạo cơ sở để tinh giảm bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của công tác kế toán. Hiện nay, hầu hết DN đều có các phần mềm kế toán riêng để phục vụ cho công tác kế toán tại DN. Phần mềm kế toán sử dụng phải phù hợp với chế độ kế toán hiện hành, được thiết kế phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của DN.

Giải pháp nâng cao hiệu quả tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp
Nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức công tác kế toán trong DN, trong thời gian



tới, công tác này cần chú ý một số nội dung sau:

- Về tổ chức bộ máy kế toán: Hiện nay, trong các DN việc tổ chức công tác, bộ máy kế toán có thể tiến hành theo một trong 3 hình thức: Tổ chức bộ máy kế toán tập trung; Tổ chức bộ máy kế toán phân tán và Tổ chức bộ máy kế toán hỗn hợp (vừa tập trung vừa phân tán). Thông thường, việc tổ chức bộ máy kế toán cần tuân thủ những nguyên tắc cơ bản sau: Phù hợp với yêu cầu và trình độ nghiệp vụ chuyên môn của đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kế toán; Gọn nhẹ, hợp lý, đúng năng lực và hiệu quả; Phù hợp với đặc điểm, điều kiện tổ chức sản xuất kinh doanh, điều kiện hoạt động của DN trên cơ sở tổ chức phân cấp và phân công rõ ràng nhiệm vụ thực hiện các phần hành kế toán cho từng cán bộ kế toán cụ thể của đơn vị.

- Về hệ thống chứng từ kế toán: Hiện nay, hệ thống chứng từ kế toán hiện hành do Bộ Tài chính quy định, DN có thể tự thiết kế chứng từ kế toán nhưng phải đảm bảo các yếu tố để thu nhận và cung cấp thông tin kế toán. Đồng thời, biểu mẫu chứng từ kế toán phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh, đảm bảo rõ ràng, minh bạch, dễ kiểm tra, kiểm soát. Cần xây dựng hệ thống chứng từ đơn giản, rõ ràng, phù hợp với quy định của chế độ kế toán, bên cạnh đó, các chỉ tiêu phản ánh trong chứng từ phải thể hiện được yêu cầu quản lý nội bộ. Tất cả các chứng từ kế toán được lập từ trong đơn vị hay từ các đơn vị bên ngoài phải tập trung vào phòng kế toán và chỉ sau khi kiểm tra xác minh tính pháp lý của chứng từ thì mới dùng ghi sổ kế toán.

- Về hệ thống tài khoản kế toán: Theo quy định hiện hành, DN có thể lựa chọn hệ thống tài khoản do Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 133/2016/TT-BTC, Thông tư số 132/2018/TT-BTC. Như vậy, DN cần dựa vào hệ thống tài khoản kế toán do Bộ Tài chính ban hành, DN căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và tính chất hoạt động, cũng như đặc điểm sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý để nghiên cứu, lựa chọn các tài khoản kế toán phù hợp để hình thành một hệ thống tài khoản kế toán cho đơn vị mình.

- Về kiểm tra, giám sát trong công tác tổ chức kế toán: Việc kiểm tra, giám sát công tác tổ chức kế toán trong DN, nhằm đảm bảo cho công tác kế toán trong các DN thực hiện tốt các yêu cầu nhiệm vụ và chức năng của mình trong công tác quản lý. Đây là việc làm thường xuyên và đòi hỏi bắt buộc tại DN nhằm đảm bảo công tác tổ chức kế toán thực hiện đúng quy định của pháp luật gắn với việc tổ chức hướng dẫn các cán bộ, nhân viên trong đơn vị hiểu và chấp hành chế độ quản lý kinh tế, tài chính nói chung và chế độ kế toán nói riêng và tổ chức kiểm tra kế toán nội bộ tổ chức.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tổ chức kế toán: Để ứng dụng tốt công nghệ thông tin vào công tác kế toán, DN cần tổ chức trang bị thiết bị, phương tiện kỹ thuật, kiến thức tin học cho bộ phận kế toán để kế toán viên có thể sử dụng thành thạo thiết bị, vận hành được các chương trình trên thiết bị từ đó phục vụ tốt công tác kế toán.

Kết luận

Kế toán có vai trò quan trọng trong hệ thống công cụ quản lý của DN. Trong khoa học quản lý, kế toán được nhìn nhận là việc thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính dưới hình thức giá trị, hiện vật và thời gian lao động. Kế toán còn là khoa học thu nhận, xử lý và cung cấp toàn bộ thông tin về tài sản, sự vận động tài sản, các hoạt động kinh tế tài chính trong DN, nhằm kiểm tra, giám sát toàn bộ hoạt động kinh tế, tài chính của DN. Tuy nhiên, vai trò quan trọng của kế toán chỉ được phát huy khi đơn vị kế toán tổ chức công tác kế toán khoa học và hiệu quả.

Việc tổ chức công tác kế toán tại DN cần gắn với tổ chức thực hiện các phương pháp kế toán, các nguyên tắc kế toán và chế độ kế toán hiện hành, tổ chức vận dụng hình thức kế toán hợp lý, chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán, thông lệ kế toán và các phương tiện kỹ thuật tính toán hiện có nhằm đảm bảo chất lượng của thông tin kế toán của đơn vị.

TS. Nguyễn Văn Hòa - Trường Đại học Hòa Bình
(Bài đã đăng trên Tạp chí Tài chính kỳ 1 tháng 6/2020)



Về hệ thống chỉ tiêu tài chính phục vụ quản trị tài chính doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay

Có thể khẳng định, tất cả các hoạt động kinh doanh đều ảnh hưởng tới tình hình tài chính của doanh nghiệp, ngược lại tình hình tài chính tốt hay xấu có tác động thúc đẩy hoặc kìm hãm quá trình kinh doanh. Do đó, để phục vụ cho công tác quản lý, các nhà quản trị cần phải phân tích tình hình tài chính qua hệ thống chỉ tiêu tài chính, từ đó thấy được điểm mạnh, điểm yếu của doanh nghiệp, xác định được nguyên nhân và đề xuất các giải pháp hợp lý. Bài viết phân tích về hệ thống chỉ tiêu tài chính phục vụ quản trị tài chính doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay, giúp doanh nghiệp hiểu sâu hơn về nội dung, ý nghĩa vấn đề này.

Hệ thống chỉ tiêu tài chính phục vụ quản trị tài chính doanh nghiệp

Quản trị tài chính (QTTC) doanh nghiệp (DN) là việc lựa chọn, đưa ra các quyết định và tổ chức thực hiện các quyết định tài chính nhằm đạt được các mục tiêu hoạt động của DN. Mỗi DN đều có những mục tiêu khác nhau trong từng thời kỳ phát triển. Hiện nay, các nhà kinh tế thường đề ra mục tiêu cơ bản QTTC hướng tới là nhằm tối đa hóa giá trị cho chủ sở hữu và tối đa hóa lợi nhuận trên vốn của DN. Chính vì vậy, QTTC trong DN bao gồm các nội dung như: Quản trị nguồn vốn huy động; quản trị tình hình sử dụng vốn (tài sản); quản trị khả năng thanh toán, quản trị dòng tiền, quản trị rủi ro của DN.

Hệ thống chỉ tiêu quản trị nguồn vốn huy động

Các chỉ tiêu đánh giá tình hình quản trị nguồn vốn là tổng nguồn vốn; nợ phải trả; vốn chủ sở hữu; tỷ trọng nợ phải trả, tỷ trọng vốn chủ sở hữu. Các chỉ tiêu nguồn vốn cho nhà quản trị thấy được tình hình nguồn vốn huy



động của DN.

Tỷ trọng nợ phải trả = (Nợ phải trả x 100%)/Tổng nguồn vốn

Chỉ tiêu này cho biết cơ cấu nợ phải trả trong tổng nguồn vốn của DN

Tỷ trọng vốn chủ sở hữu = (Vốn chủ sở hữu x 100%)/Tổng nguồn vốn



Chỉ tiêu này cho biết cơ cấu vốn chủ sở hữu trong tổng nguồn vốn của DN. Thông qua tỷ trọng nợ phải trả và tỷ trọng vốn chủ sở hữu giúp cho nhà quản trị thấy chính sách huy động vốn của DN thiên về huy động từ nguồn vốn bên trong hay nguồn vốn bên ngoài và xu hướng như thế nào?

Hệ thống chỉ tiêu quản trị tình hình sử dụng vốn (tài sản)

Đối với các chỉ tiêu phản ánh tình hình sử dụng vốn của DN để phản ánh tình hình sử dụng vốn của DN, nhà quản trị DN sử dụng các chỉ tiêu: Tổng tài sản; Tài sản ngắn hạn; Tài sản dài hạn; Tỷ trọng tài sản ngắn hạn; Tỷ trọng tài sản dài hạn. Cụ thể:

- Chỉ tiêu tổng tài sản: Giúp nhà quản trị thấy được khái quát tình hình tài sản DN đã huy động vào phục vụ các hoạt động kinh doanh theo công thức sau:

Tổng tài sản = Tài sản ngắn hạn + Tài sản dài hạn

Nội hàm về tổng tài sản có thể đánh giá khái quát trên 2 phương diện tài chính cơ bản: (i) Giá trị của tài sản là vốn kinh doanh, biểu hiện bằng tiền của toàn bộ giá trị tài sản được huy động, sử dụng vào hoạt động kinh doanh nhằm mục đích sinh lời. Vốn kinh doanh càng lớn thì năng lực về tài chính của DN càng cao so với các bên có vốn ít hơn nhưng có các điều kiện khác tương đồng, quy mô vốn lớn mang lại cho DN năng lực cạnh tranh mạnh mẽ trên thị trường vốn, khả năng tăng quy mô lãi và đó là cơ sở để tăng trưởng bền vững. Để vốn kinh doanh luôn phát huy hết vai trò của nó trong quá trình luân chuyển đòi hỏi DN phải có chính sách đầu tư, quản lý và sử dụng tài sản một cách tốt nhất. Nguồn vốn của DN phản ánh nguồn gốc, xuất xứ hình thành tổng tài sản DN hiện đang quản lý và sử dụng vào hoạt động kinh doanh.

- Tỷ trọng tài sản ngắn hạn và tỷ trọng tài sản dài hạn: Phản ánh cơ cấu tài sản của DN:

Tỷ trọng tài sản ngắn hạn = (Tài sản ngắn hạn x 100%)/Tổng tài sản

Chỉ tiêu này cho biết mức độ đầu tư vào tài sản ngắn hạn trong tổng tài sản của DN:

Tỷ trọng tài sản dài hạn = (Tài sản dài hạn x 100%)/Tổng tài sản

Chỉ tiêu này cho biết, mức độ đầu tư vào tài sản dài hạn trong tổng tài sản của DN. Chỉ tiêu này phản ánh cơ cấu tài sản, cơ cấu tài sản phản ánh chính sách đầu tư vốn của DN có phù hợp với đặc thù kinh doanh và có mang lại hiệu quả không. Để đánh giá hiệu quả của việc sử dụng vốn, nhà quản trị cần sử dụng các chỉ tiêu như: Hiệu suất sử dụng toàn bộ vốn; Hiệu suất sử dụng vốn cố định và tốc độ luân chuyển vốn lưu động (vòng quay vốn lưu động và thời gian một vòng quay vốn lưu động); Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ. - Hiệu suất sử dụng toàn bộ vốn. Chỉ tiêu này cho biết khả năng tạo ra doanh thu và thu nhập từ một đồng tài sản của DN. Trong đó: Tổng doanh thu và thu nhập = Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ + Doanh thu hoạt động tài chính + Thu nhập khác theo công thức sau:

Hiệu suất sử dụng toàn bộ vốn = Tổng doanh thu và thu nhập/Tổng tài sản bình quân

- Hiệu suất sử dụng tài sản cố định: Giúp cho nhà quản trị thấy được tình hình quản lý và sử dụng tài sản cố định của DN có hiệu quả hay không. Chỉ tiêu này cho biết khả năng tạo ra doanh thu thuần từ một đồng vốn cố định của DN.

- Tốc độ luân chuyển vốn lưu động: Giúp nhà quản trị thấy được tình hình quản trị vốn lưu động của DN có hiệu quả hay không?. Tốc độ luân chuyển vốn lưu động của DN được thể hiện thông qua 2 chỉ tiêu số vòng quay vốn lưu động và thời gian một vòng quay vốn lưu động.

- Tốc độ luân chuyển hàng tồn kho: Thông qua tốc độ luân chuyển hàng tồn kho sẽ thấy được tình hình quản trị vốn tồn kho dự trữ của DN có hiệu quả hay không? Tốc độ luân chuyển hàng tồn kho của DN được thể hiện thông qua 2 chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho và số ngày một vòng quay hàng tồn



kho. Cụ thể:

Vòng quay hàng tồn kho = Giá vốn hàng bán (DTT)/Hàng tồn kho bình quân

Chỉ tiêu này bình quân trong kỳ nghiên cứu hàng tồn kho của DN quay được bao nhiêu vòng.

Số ngày một vòng quay hàng tồn kho = Số ngày trong kỳ (360 (90...))/Vòng quay hàng tồn kho

Chỉ tiêu này bình quân trong kỳ nghiên cứu hàng tồn kho của DN quay một vòng hết bao nhiêu ngày. Vòng quay hàng tồn kho của DN càng lớn thì số ngày một vòng quay hàng tồn kho càng nhỏ dẫn đến tốc độ luân chuyển hàng tồn kho càng nhanh và ngược lại.

- Tốc độ luân chuyển các khoản phải thu: Thông qua tốc độ luân chuyển các khoản phải thu sẽ thấy được tình hình quản trị các khoản phải thu của DN. Tốc độ luân chuyển các khoản phải thu của DN được thể hiện thông qua 2 chỉ tiêu vòng quay các khoản phải thu và kỳ thu tiền trung bình.

Vòng quay các khoản phải thu = Doanh thu thuần (doanh thu bán chịu)/ Các khoản phải thu bình quân

Chỉ tiêu này bình quân trong kỳ nghiên cứu các khoản phải thu của DN quay được bao nhiêu vòng.

Kỳ thu tiền trung bình = Số ngày trong kỳ (360 (90...))/Vòng quay các khoản phải thu

Chỉ tiêu này cho thấy, vòng quay các khoản phải thu của DN càng lớn thì kỳ thu tiền trung bình càng nhỏ dẫn đến tốc độ luân chuyển các khoản phải thu càng nhanh và ngược lại.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản cho biết khả năng tạo ra lợi nhuận sau thuế từ tổng tài sản bình quân trong kỳ.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản = (Lợi nhuận sau thuế x 100%)/ Tổng tài sản bình quân



- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu cho biết khả năng tạo ra lợi nhuận sau thuế từ vốn chủ sở hữu trong kỳ.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu = (Lợi nhuận sau thuế x 100%)/Vốn chủ sở hữu bình quân

Hệ thống chỉ tiêu quản trị khả năng thanh toán

Để có khả năng thanh toán thì DN phải nâng cao hiệu quả hoạt động thông qua các chỉ tiêu hiệu suất sử dụng vốn và khả năng sinh lời (các chỉ tiêu này đã được đề cập ở nội dung quản trị tình hình sử dụng vốn). Cụ thể:

Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn: Chỉ tiêu này cho biết DN có khả



năng thanh toán được bao nhiêu lần nợ ngắn hạn bằng tài sản ngắn hạn.

Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn = Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn

Hệ số khả năng thanh toán nhanh: Chỉ tiêu này cho biết, DN có khả năng thanh toán nhanh được bao nhiêu lần nợ ngắn hạn bằng tài sản ngắn hạn trừ đi hàng tồn kho.

Hệ số khả năng thanh toán nhanh = (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn

Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn: Chỉ tiêu này cho biết, DN có khả năng thanh toán ngay được bao nhiêu lần nợ đến hạn bằng các khoản tiền và tương đương tiền.

Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn = Tiền và tương đương tiền/Nợ đến hạn.

Hệ thống chỉ tiêu quản trị dòng tiền

Việc quản trị dòng tiền của các DN được thể hiện rõ nét trong lập kế hoạch dòng tiền (dòng tiền vào và dòng tiền ra) và xác định dòng tiền thuần của DN.

Dòng tiền thu vào trong kỳ = Dòng tiền thu vào từ hoạt động kinh doanh + Dòng tiền thu vào từ hoạt động đầu tư + Dòng tiền thu vào từ hoạt động tài chính.

Dòng tiền chi ra trong kỳ = Dòng tiền chi ra từ hoạt động kinh doanh + Dòng tiền chi ra từ hoạt động đầu tư + Dòng tiền chi ra từ hoạt động tài chính.

Thông qua lưu chuyển tiền thuần trong kỳ của DN nhà quản trị sẽ biết được lượng tiền thuần gia tăng hoặc suy giảm trong kỳ. Theo đó: Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ = Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh + Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư + Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính

Hệ thống chỉ tiêu quản trị rủi ro tài chính

Để quản trị rủi ro tài chính của DN, nhà quản trị sẽ quan tâm đến các chỉ tiêu như: Hệ số nợ; Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn; Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn; Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu; Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản; Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ.

Trong đó:

Hệ số nợ = Nợ phải trả/Tổng tài sản

Chỉ tiêu này cho biết, trong tổng tài sản của DN có bao nhiêu phần được tài trợ từ vốn vay và vốn đi chiếm dụng. Chỉ tiêu này càng lớn thì mức độ phụ thuộc về tài chính của DN đối với bên ngoài càng cao và ngược lại.

Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn; hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn của DN càng nhỏ (càng xa 1) và có xu hướng càng giảm thì nguy cơ rủi ro càng cao và ngược lại.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản; Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ càng nhỏ, có xu hướng càng giảm thì nguy cơ rủi ro càng cao và ngược lại.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu = Lợi nhuận sau thuế x 100%/ Tổng doanh thu và thu nhập

Chỉ tiêu này càng lớn thì hiệu quả kinh doanh của DN càng cao, giảm thiểu được nguy cơ rủi ro.

Như vậy, qua phân tích hệ thống chỉ tiêu tài chính phục vụ TCDN cho thấy, muốn phát triển bền vững, DN cần quan tâm đến công tác phân tích tài chính để có thể đánh giá đúng thực trạng và tiềm năng phát triển của công ty.

**Ngô Phương Anh – Tổng cục Hải quan Việt Nam
(Bài đã đăng trên Tạp chí Tài chính kỳ 2 tháng 5/2020)**



THÔNG TIN HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ



THỰC THI CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO THẾ HỆ MỚI

Trong chuyên mục Thông tin hội nhập kinh tế quốc tế, Ban biên tập tập hợp các bài viết của chuyên gia liên quan đến việc Việt Nam triển khai và thực thi các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTA).

Bạn đọc có thể tìm kiếm thêm thông tin tại [www. tapchitaichinh.vn](http://www.tapchitaichinh.vn).



Cam kết về phòng vệ thương mại trong các FTA và vấn đề đặt ra đối với doanh nghiệp Việt Nam

Việt Nam tham gia các hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là các FTA thế hệ mới đã và đang đặt ra những lợi ích, kỳ vọng đồng thời cũng là những thách thức được báo trước, trong đó có vấn đề về phòng vệ thương mại. Các doanh nghiệp trong nước cần có sự chuẩn bị tốt nhất để sẵn sàng đón nhận các cơ hội, cũng như ứng phó với những thách thức từ việc tham gia các FTA thế hệ mới.

Khát quát về các biện pháp phòng vệ thương mại

Bên cạnh những lợi ích to lớn, tự do hoá thương mại cũng có thể tạo ra nhiều rủi ro và tiềm ẩn gây thiệt hại cho các thành viên. Do đó, khi xây dựng các hiệp định thương mại, các nước vẫn cho phép thực hiện những chính sách mang tính rào cản nhất định để bảo vệ mình trước các hành vi thương mại không lành mạnh hoặc trong bối cảnh gia tăng đột biến hàng nhập khẩu gây thiệt hại cho ngành sản xuất trong nước của thành viên. Thông thường các rào cản thương mại được hiểu là những biện pháp thuế quan hoặc phi thuế quan, nhằm hạn chế, làm giảm sự dịch chuyển hàng hoá giữa các vùng lãnh thổ được thể hiện qua các công cụ thuế quan/phi thuế quan.

Các biện pháp phòng vệ thương mại (PVTM) như: Chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ được xem là một phần quan trọng trong chính sách thương mại quốc tế của mỗi quốc gia. Các biện pháp PVTM đều giống nhau ở mục đích áp dụng là bảo vệ/hỗ trợ ngành sản xuất trong nước bị thiệt hại từ hàng hoá nhập khẩu. Tuy nhiên, các biện pháp nói trên đều có sự khác nhau nhất định, đặc biệt là giữa biện pháp chống bán phá giá, biện pháp chống trợ cấp và biện pháp tự vệ.

Về bản chất, biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp được áp dụng để



đối phó với hành vi cạnh tranh không lành mạnh hay không công bằng của hàng hoá nhập khẩu. Trong khi, biện pháp chống bán phá giá là để đối phó với hành vi bán sản phẩm với giá thấp nhằm chiếm lĩnh thị trường và tiến tới loại bỏ dần các đối thủ cạnh tranh thì biện pháp chống trợ cấp được áp dụng để loại bỏ tác động tiêu cực gây ra cho ngành sản xuất hàng hóa nội địa xuất phát từ các chính sách trợ cấp của Chính phủ nước xuất khẩu.

Đối với biện pháp tự vệ, công cụ này không nhằm đối phó với hành vi thương mại thiếu lành mạnh như phá giá, trợ cấp được dùng để hỗ trợ



các doanh nghiệp sản xuất trong nước trước sự gia tăng của hàng nhập khẩu, dẫn đến những thiệt hại mang tính “nghiêm trọng” cho ngành sản xuất trong nước.

Các biện pháp về PVTM mà một số quốc gia áp dụng với một quốc gia thành viên khác phải thoả mãn yêu cầu của các quy định tại Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại (GATT) và các hiệp định liên quan khác như: Hiệp định chống bán phá giá, Hiệp định trợ cấp và các biện pháp đối kháng và Hiệp định tự vệ...

Nguyên nhân chủ yếu khiến các FTA cần có những điều khoản về PVTM, đó là do sự lo ngại về những hệ quả tiêu cực tác động tới ngành sản xuất trong nước từ các hiệp định. Hầu hết các FTA nói chung, FTA thế hệ mới nói riêng đều có mục tiêu xóa bỏ toàn bộ các rào cản đối với thương mại, do vậy, hầu hết các thành viên tham gia FTA được kỳ vọng là sẽ hạn chế/không áp dụng các biện pháp PVTM trong nội khối.

Khi Chính phủ tham gia FTA, các ngành sản xuất cạnh tranh với hàng nhập khẩu cần phải được đảm bảo rằng họ có công cụ để bảo vệ chính mình trước những hệ quả chưa lường trước được khi thực hiện cam kết. Việc duy trì các biện pháp PVTM trong FTA có thể sẽ hỗ trợ hữu ích cho quá trình tìm kiếm sự ủng hộ của các doanh nghiệp đối với đàm phán, thực thi hiệp định. Tuy nhiên, cần cứ từng FTA cụ thể mà các biện pháp PVTM sẽ được quy định ở các mức độ và loại hình khác nhau. Các cấp độ thông thường của các biện pháp PVTM được quy định tại các FTA, bao gồm:

- Đối với biện pháp chống bán phá giá và trợ cấp: Cấp độ của các quy định chống bán phá giá và trợ cấp trong FTA được phân loại như sau: Không chấp nhận biện pháp chống bán phá giá và trợ cấp áp dụng đối với thành viên của FTA; Quy định một cách không cụ thể; Quy định cụ thể biện pháp chống bán phá giá và trợ cấp áp dụng đối với thành viên FTA.

- Đối với biện pháp tự vệ: Các FTA thường phân loại biện pháp tự vệ làm hai nhóm: Nhóm (1) biện pháp tự vệ song phương hoặc trong khuôn khổ FTA; nhóm (2) biện pháp tự vệ toàn cầu. Trong đó, nhóm (1) chỉ được áp dụng đối với các thành viên của FTA nhằm ứng phó với hệ quả khi thực hiện cam kết trong hiệp định như giảm thuế, hàng nhập khẩu gia tăng gây thiệt hại cho sản xuất trong nước. Nhóm (2) là biện pháp tự vệ theo ý nghĩa của điều

XIX-GATT và Hiệp định tự vệ của WTO. Cấp độ của biện pháp tự vệ cũng được phân loại tương tự chống bán phá giá và trợ cấp gồm: không cho phép, quy định không cụ thể và quy định chi tiết.

Cam kết và thực tế áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại của Việt Nam

Tính đến tháng 4/2020, Việt Nam đã có quan hệ thương mại với 55 đối tác thương mại thông qua việc đàm phán và ký kết 16 hiệp định thương mại tự do (FTA). Trong 16 FTA, Việt Nam đã ký kết và thực thi 13 FTA; 3 FTA còn lại đang được đàm phán bao gồm: Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP), FTA với Israel và FTA với Khối thương mại tự do châu Âu (EFTA).

Các nội dung cơ bản về PVTM của Việt Nam trong các FTA như sau:

- Các nội dung về PVTM về cơ bản đều dựa trên các cam kết chung về PVTM trong khuôn khổ WTO.

- Tuỳ thuộc vào đối tác và tầm quan trọng của thị trường xuất khẩu, Việt Nam có thể linh hoạt trong phạm vi và nội dung áp dụng biện pháp PVTM.

- Về nội dung quy định, đa số các quy định về PVTM trong các FTA của Việt Nam liên quan đến biện pháp tự vệ. Một số ít hiệp định có đề cập đến các biện pháp khác nhau như: chống bán phá giá, chống trợ cấp theo hướng dẫn chiếu tới việc áp dụng quy định của WTO. - Đối với trường hợp quy định bổ sung thêm ngoài các quy định của WTO, ngoại trừ EVFTA và CPTPP bổ sung thêm quy định đối với biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp, các FTA khác của Việt Nam đều tập trung bổ sung thêm các quy định về biện pháp tự vệ song phương và khu vực. Đối với biện pháp tự vệ toàn cầu, các FTA của Việt Nam thường dẫn chiếu tới các quy định của WTO.

Thời gian qua, Việt Nam đã tăng cường điều tra và áp dụng các biện pháp PVTM để bảo vệ sản xuất trong nước một cách hợp lý, phù hợp với quy định của WTO và các cam kết quốc tế. Trong giai đoạn 2016-2018, Bộ Công Thương đã áp dụng 6 biện pháp PVTM đối với phân bón DAP, bột ngọt, các sản phẩm sắt thép như: phôi thép, thép dài, thép mạ, thép hình và tôn màu. Các biện pháp này đã giúp bảo đảm môi trường cạnh tranh công bằng, bảo vệ hợp lý và khuyến khích sản xuất trong nước, bảo vệ công ăn việc làm



cho người lao động, hỗ trợ cân bằng cán cân thanh toán quốc tế. Theo tính toán, những ngành sản xuất này đang sử dụng khoảng 100.000 lao động, đóng góp khoảng 6,13% GDP của cả nước. Với việc tăng thuế nhập khẩu, các biện pháp PVTM cũng đã góp phần tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Qua theo dõi tác động của các biện pháp PVTM, Bộ Công Thương nhận thấy, việc tăng nhập khẩu ồ ạt với những sản phẩm này đã giảm đi đáng kể. Nhờ các chính sách phù hợp của Nhà nước và nỗ lực của mình, một số doanh nghiệp đã cải thiện đáng kể tình hình sản xuất kinh doanh, thoát khỏi thua lỗ và từng bước ổn định sản xuất.

Các biện pháp PVTM cũng góp phần ổn định giá đầu vào cho một số ngành sản xuất trong nước. Cụ thể, đối với phân bón DAP, khi có sản xuất trong nước để tạo đối trọng, giá mặt hàng này đã thấp hơn thời kỳ phụ thuộc hoàn toàn vào nhập khẩu trước đó. Chính vì vậy, việc áp dụng công cụ PVTM để bảo vệ các ngành sản xuất liên quan đến nông nghiệp, xây dựng... vừa là để bảo vệ sản xuất và việc làm trong nước; đồng thời, giảm mức độ phụ thuộc vào hàng hoá nhập khẩu. Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp sản xuất trong nước đã tăng cường xuất khẩu sau khi biện pháp PVTM được áp dụng cho thấy, năng lực cạnh tranh quốc tế của doanh nghiệp được đảm bảo. Các biện pháp PVTM được áp dụng kịp thời đã góp phần ngăn chặn những tác động tiêu cực của hàng nhập khẩu, cạnh tranh không lành mạnh với hàng hoá trong nước và bảo đảm giữ vững sản xuất trong nước cũng như năng lực cạnh tranh.

Vấn đề đặt ra đối với doanh nghiệp khi Việt Nam tham gia các FTA

Từ góc độ thực thi, để tận dụng tốt cơ hội mà các FTA mang lại, đặc biệt là các FTA thế hệ mới, bên cạnh việc nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm, các doanh nghiệp cần chuẩn bị kỹ, tìm hiểu cam kết cụ thể trong các FTA này, trong đó có cam kết về các biện pháp PVTM để có thể khai thác, sử dụng một cách phù hợp. Cụ thể như:

Thứ nhất, tăng cường nhận thức để sử dụng có hiệu quả công cụ PVTM

trong các FTA mà Việt Nam tham gia:

- Tăng cường thông tin về PVTM trong các FTA qua kênh hiệp hội ngành hàng. Các hiệp hội có thể lấy thông tin hoặc tư vấn từ các đơn vị chuyên môn như các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan hoặc Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI). Cách thức này vừa hiệu quả, vừa đúng đối tượng và tiết kiệm được nguồn lực.

- Có cơ chế phối hợp giữa các doanh nghiệp để đánh giá mức độ cạnh tranh của các ngành, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch nâng cao khả năng cạnh tranh cho những ngành có lợi thế cạnh tranh và định hướng điều chỉnh sản xuất cho các ngành, doanh nghiệp không có khả năng cạnh tranh để tận dụng tối đa những lợi ích từ các FTA.

- Chủ động tiếp cận thông tin của các kênh thông tin chuyên môn như Cục Phòng vệ thương mại – Bộ Công Thương, VCCI.

- Chủ động nghiên cứu, đề xuất các cơ quan có thẩm quyền vận dụng các biện pháp PVTM được phép ứng dụng trong WTO và các FTA để bảo vệ lợi ích chính đáng của mình trước sự cạnh tranh không công bằng của hàng hóa nhập khẩu.

- Tăng cường đổi mới, đa dạng hóa các hoạt động xúc tiến thương mại; thường xuyên cập nhật thông tin thị trường, sản phẩm; tìm kiếm và mở rộng các kênh bán hàng, phân phối... Trong đó, chú trọng các nước đối tác trong các FTA hiện hành và có tiềm năng đem lại tác động tích cực cho thương mại Việt Nam.

Thứ hai, xây dựng năng lực về PVTM, đáp ứng điều kiện pháp luật và thực tiễn liên quan, cụ thể:

- Tăng cường nguồn nhân lực của doanh nghiệp về PVTM thông qua đẩy mạnh các hoạt động đào tạo nguồn nhân lực về vấn đề PVTM.

- Tăng cường nguồn lực tài chính cho doanh nghiệp: Khởi kiện PVTM luôn đòi hỏi một khoản chi phí lớn. Bản chất của kiện PVTM là vì lợi ích và xuất phát từ chính nhu cầu của doanh nghiệp, nên không thể dựa vào các nguồn lực từ bên ngoài. Do đó, doanh nghiệp cần được tư vấn, tuyên truyền để có



kế hoạch tài chính cho các hoạt động pháp lý, để tạo nguồn lực sẵn sàng cho việc đi kiện PVTM khi cần thiết. Các hiệp hội ngành hàng cần có một khoản quỹ dành cho việc này, được tạo thành từ nguồn lực của hiệp hội và từ các hội viên, bởi ngoài các chi phí riêng cho kiện PVTM từ doanh nghiệp, cũng có một số hoạt động cần hành động chung của nhiều doanh nghiệp.

- Đa dạng hóa các công cụ chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm cả các công cụ PVTM.

- Bản thân các doanh nghiệp cũng cần chủ động có các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng công cụ PVTM để giải quyết các vướng mắc về năng lực này.

Thứ ba, nâng cao hiệu quả cơ chế phối hợp giữa các bên liên quan trong một vụ kiện PVTM:

- Tăng cường phối hợp của cộng đồng doanh nghiệp: Việc tăng cường phối hợp của doanh nghiệp với nhau cần tập trung vào các nội dung sau: Nâng cao khả năng tập hợp lực lượng của các hiệp hội ngành hàng. Việc tập hợp lực lượng thông qua hiệp hội ngành hàng có lợi thế rất lớn trong việc tận dụng “đầu mối sẵn có” cho tất cả các hoạt động cần thiết của một vụ kiện PVTM.

- Tăng cường việc kết nối, trao đổi thông tin giữa các doanh nghiệp. Trong bối cảnh mỗi liên kết giữa các doanh nghiệp Việt Nam còn bất cập, việc tăng cường phối hợp giữa các doanh nghiệp có chung sản phẩm có thể

được thực hiện qua việc: Hình thành các nhóm doanh nghiệp cùng sản xuất các sản phẩm liên quan có nguy cơ cao; hoặc thiết lập các nhóm doanh nghiệp nhỏ trong hiệp hội ngành hàng liên quan tới một số sản phẩm quan trọng/có nguy cơ cao. Các nhóm này đồng thời cũng sẽ là hạt nhân cốt lõi trong các hoạt động tham gia vụ kiện PVTM khi vụ kiện được khởi xướng.

Tăng cường phối hợp giữa doanh nghiệp và các cơ quan nhà nước có liên quan như: Cơ quan điều tra là Cục PVTM – Bộ Công Thương (phụ trách cả điều tra phá giá/trợ cấp/tự vệ và điều tra thiệt hại đối với ngành hàng sản xuất nội địa); Bộ Công Thương (chủ thể ra quyết định áp dụng các biện pháp PVTM sơ bộ, chính thức); Cơ quan thuế (phụ trách việc thực hiện phân loại và thu thuế PVTM tạm thời, chính thức).

Ngoài ra, còn có những cơ quan nhà nước khác mặc dù không có thẩm quyền hay chức năng, nhiệm vụ trực tiếp trong vụ việc điều tra PVTM, nhưng lại có liên quan gián tiếp tới các vụ điều tra, ví dụ như cơ quan Hải quan... Đối với các cơ quan này, doanh nghiệp có thể đề nghị hỗ trợ dưới các hình thức sau: Đơn giản hoá, cải cách thủ tục hành chính liên quan tới việc áp dụng các yêu cầu của doanh nghiệp gắn với mục tiêu kiện PVTM; Phối hợp hiệu quả, kịp thời với cơ quan điều tra trong việc cung cấp thông tin phục vụ điều tra...

TS. Phạm Minh Giang – Học viện Ngân hàng
(Bài đã đăng trên Tạp chí Tài chính số kỳ 2 tháng 5/2020)

